TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/KDTM-ST
Ngày: 11-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

-***Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 151/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty TNHH D.

Địa chỉ: đường số E, KCN L, phường B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Vũ Văn N, sinh năm 1982; địa chỉ: số F T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2025). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

-*Bị đơn:* Công ty TNHH S.

Địa chỉ: lô A, A, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Tsoi Tung Leung T; địa chỉ liên lạc: lô A, A4, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty K Tổng Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D1) và Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có ký kết hợp đồng kinh tế số HĐNT/GP/LH/2025 ngày 02/01/2025, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Theo hợp đồng Công ty D1 bán cho Công ty S mặt hàng thùng carton các loại, số lượng và quy cách sẽ được thể hiện cụ thể trong mỗi đơn đặt hàng do Công ty S yêu cầu, đơn giá tùy vào thời điểm Công ty S đặt hàng và áp dụng theo bảng báo giá của Công ty D1 và được sự chấp thuận của Công ty S. Ngoài ra, hợp đồng còn có quy định về chất lượng hàng hóa, phương thức giao nhận, trách nhiệm của các bên và phương thức thanh toán. Đồng thời, hai bên cũng chọn phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam.

Theo hợp đồng nêu trên, Công ty D1 đã bán cho Công ty S theo đơn đặt hàng với tổng giá trị các đơn hàng là 2.438.463.728 đồng, Công ty D1 đã xuất hóa đơn và yêu cầu thanh toán, Công ty S đã thanh toán được 353.056.689đồng cho các đơn hàng trên. Tuy nhiên còn lại số tiền 2.085.407.039 đồng theo hóa đơn số: 52, 106, 148, 213, 257, 301, 332 chưa thanh toán. Công ty D1 đã đề nghị và yêu cầu, gọi điện thoại nhiều lần nhưng Công ty S không chịu thanh toán số tiền còn lại. Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều III của hợp đồng nguyên tắc số HĐNT/GP/LH/2025 với số tiền 2.085.407.039 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Do đó, Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề sau: buộc Công ty TNHH S trả cho Công ty TNHH D số tiền còn nợ là 2.085.407.039 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty S có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: giữa Công ty D1 và Công ty S có quan hệ mua bán theo Hợp đồng kinh tế số HĐNT/GP/LH/2025 ngày 02/01/2025 (có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025), theo đó Công ty D1 bán hàng hoá mặt hàng thùng carton các loại cho Công ty S, việc mua bán được thực hiện theo mỗi đơn đặt hàng do Công ty S yêu cầu. Hợp đồng giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình mua bán, từ tháng 01 đến tháng 9/2025, Công ty D1 đã giao hàng cho Công ty S với tổng giá trị là 2.438.463.728 đồng và đã xuất tổng cộng 07 hoá đơn gồm số 52 ngày 27/02/2025, số 106 ngày 28/3/2025, số 148 ngày 28/4/2025, số 213 ngày 28/5/2025, số 257 ngày 25/6/2025, số 301 ngày 30/7/2025, số 332 ngày 27/8/2025 (công nợ tháng 9/2025 với số tiền 30.626.100đồng chưa xuất hóa đơn). Công ty S đã thanh toán cho Công ty D1 tổng số tiền 353.056.689 đồng của các hóa đơn số 52, 106 vào các ngày 03/7/2025 và 15/7/2025, số tiền chưa thanh toán là 2.085.407.039 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty S cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đối với Công ty D1. Vì vậy, việc Công ty S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D1 là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn Công ty D1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty S thanh toán số tiền còn nợ 2.085.407.039 đồng là có cơ sở.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 2.085.407.039 đồng, tương đương số tiền án phí 73.708.141đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH D đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền 2.085.407.039 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn không trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải nộp số tiền 73.708.141đồng (Bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ tám nghìn một trăm bốn mươi mốt đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH D số tiền 36.854.070đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039990 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung